

BÁO CÁO CÔNG KHAI TÀI CHÍNH
THÁNG 11 NĂM 2023

STT	Nội dung	Tồn đầu kỳ mang sang	Thu	Chi	Tồn	Ghi chú
I	Nguồn ngân sách cấp	2.935.141.434	0	953.948.773	1.981.192.661	
01	Nguồn NS cấp 12	-4.338.790.014		536.576.793	-4.875.366.807	
02	Nguồn NS cấp 13	6.201.759.000			6.201.759.000	
03	Nguồn NS cấp 14	1.072.172.448		417.371.980	654.800.468	
II	Thu thỏa thuận-Thu SN khác	1.126.986.651	724.039.795	546.782.066	1.304.244.380	
01	Học phí	870.183.527	290.480.000	79.231.491	1.081.432.036	
02	Tổ chức và QL Bán trú	18.046.379	139.725.000	145.543.769	12.227.610	
03	Phục vụ ăn sáng	8.198.566	63.387.627	60.655.186	10.931.007	
04	Thiết bị vật dụng bán trú	87.831.296	1.720.000	48.455.500	41.095.796	
05	Vệ sinh phí	9.796.318	17.010.000	10.004.000	16.802.318	
06	Tiền hoạt động năng khiếu	8.141.876		1.252.000	6.889.876	
07	Tiền HDNV nuôi dưỡng	39.720.700	89.182.500	66.238.400	62.664.800	
08	Lãi ngân hàng	1.755.589	239.668	187.000	1.808.257	
09	Anh văn	11.606.400	48.480.000	51.379.000	8.707.400	
10	Đàn	11.628.000	11.799.000	18.634.600	4.792.400	
11	Nhịp điệu	18.525.000	18.867.000	16.989.240	20.402.760	
12	Võ	14.421.000	14.934.000	19.961.400	9.393.600	
13	Vẽ	27.132.000	28.215.000	28.250.480	27.096.520	
III	Thu hộ - Chi hộ	619.759.937	634.671.032	880.321.715	374.109.254	
01	Tiền ăn bán trú	264.763.226	417.550.000	641.383.896	40.929.330	
02	Tiền ăn sáng	90.334.844	178.473.000	205.895.549	62.912.295	
03	Học phẩm	749.042	500.000		1.249.042	
04	Nước uống	10.825.162	7.897.500	4.500.000	14.222.662	
05	Bảo hiểm tai nạn học sinh	18.210.000	300.000	17.790.000	720.000	
06	Kinh phí CSSKBĐ học sinh	11.147.663	27.450.532		38.598.195	
07	Thu hộ khác (TT 16)	81.460.000		10.752.270	70.707.730	
08	Tiền học liệu, học cụ	130.310.000	2.300.000		132.610.000	
09	Khám sức khỏe ban đầu	11.960.000	200.000		12.160.000	
10	Tiền học sinh tham quan dã ngoại	0			0	
IV	Các khoản hề	2.125.863	0	1.795.274	330.589	
01	Tiền ăn hề	201.753	0	0	201.753	
02	Tiền ăn sáng hề	128.836	0	0	128.836	
03	Giữ trẻ hề	27.662	0	27.662	0	
04	Phục vụ sáng hề	414.336		414.336	0	
05	Năng khiếu hề trích lại	1.353.276		1.353.276	0	
V	Các quỹ	908.166.593	3.973.000	40.000.000	872.139.593	
01	Quỹ khen thưởng	276.074.662		4.200.000	271.874.662	
02	Quỹ phúc lợi	562.970.183		13.800.000	549.170.183	
03	Quỹ PTHDSNghiệp	2.665.124			2.665.124	
04	Quỹ dự phòng ổn định thu nhập	32.834.810			32.834.810	
05	Quỹ khác	1.790.000			1.790.000	
06	Quỹ tiền mặt	31.831.814	3.973.000	22.000.000	13.804.814	
Tổng cộng (I+II+III+IV)		5.592.180.478	1.362.683.827	2.422.847.828	4.532.016.477	

Kế toán

ML

Lê Thị Hạnh

Ngày 30 tháng 11 năm 2023
Hiệu trưởng
TRƯỜNG
MÀN NON
HẠNH THÔNG TÂY
Nguyễn Thị Hoàng Mai